

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 619/2025/QĐST-HNGĐ Tp., ngày 18 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 296/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Huỳnh Thị Kiều N sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: ấp A, xã Ô, tỉnh An Giang

- *Người yêu cầu:* Ông Phan Thanh H, sinh năm 1993

Địa chỉ thường trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ S Tầng A Toà nhà chung cư GH15 (Dự án khu dân cư và Công viên P) - 88 đường P, Khu phố B, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/9/2025;

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh H và bà Huỳnh Thị Kiều N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kiều N và ông Phan Thanh H có một con chung chưa thành niên tên Phan Nhật T, sinh ngày 16/03/2021.

Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Huỳnh Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản có chung: Không có.

- Về tài sản nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 đồng, bà Huỳnh Thị Kiều N và ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/9/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh H và bà Huỳnh Thị Kiều N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 23/01/2019)

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kiều N và ông Phan Thanh H có một con chung chưa thành niên tên Phan Nhật T, sinh ngày 16/03/2021.

Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Huỳnh Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 đồng, ông Phan Thanh H và bà Huỳnh Thị Kiều N phải có nghĩa vụ nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300,000 đồng ông H, bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012121 ngày 28/08/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông H và bà N đã nộp xong lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 2 – Tp.HCM;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh